

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày: 10-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch Hội cựu chiến binh thị trấn K, huyện K.
2. Bà Võ Thị Cảnh - Cán bộ hưu trí thị trấn K, huyện K.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về việc chuyển ngày, giờ và địa điểm xét xử vụ án hình sự 10/2022/TB-TA ngày 19 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn N, sinh ngày 09/4/1993 tại H, Hà Tĩnh; Nơi thường trú: Làng Sơ Lam, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Con ông Đinh Văn S và bà Đậu Thị N, có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 16/11/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh Văn Q, sinh ngày 01/12/1996 tại H, Hà Tĩnh; Nơi thường trú: Làng Sơ Lam, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Con ông Đinh Văn S và bà Đậu Thị N, có vợ là Đinh Thị T và có 02 con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 16/11/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lương T T, sinh ngày 11/02/1989 tại N, Ninh Bình; nơi thường trú: Tổ dân phố 12, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; Con ông Lương T Ng và bà Vũ Thị H. Bị cáo có vợ là Võ Thị N H, có 01 con sinh năm 2020. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 28/11/2006 bị

cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 04 tháng tù theo bản án số: 03/2006/HSST, đã chấp hành xong bản án và về sinh sống tại địa phương; Ngày 17/06/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 11 tháng tù theo bản án số: 10/2009/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 19/7/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 12 tháng tù theo bản án số: 12/2010/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 08/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 32 tháng tù theo bản án số: 14/2012/HSST và ngày 22/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt 03 năm tù theo bản án số: 16/2012/HSST, ngày 13/9/2016 chấp hành xong hình phạt của bản án số 14, 16 và trở về sinh sống tại địa phương. Bị cáo bị truy nã và bị bắt, tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 14/7/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Lương K T, sinh ngày 08/8/1990, tại Nho Quan, Ninh Bình; nơi thường trú: Tổ dân phố 10, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; Con ông Lương T N và bà Vũ Thị H. Bị cáo có vợ là Đặng Thị M và 02 người con lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2022. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 19/7/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 12 tháng tù theo bản án số: 12/2010/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 13/05/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự, xử phạt 09 tháng tù theo bản án số: 18/2011/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 08/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 42 tháng tù theo bản án số: 14/2012/HSST và ngày 22/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt 03 năm 06 tháng tù theo bản án số: 16/2012/HSST, ngày 13/8/2017 đã chấp hành xong bản án số 14, 16 và trở về sinh sống tại địa phương.

Bị cáo bị truy nã, ra đầu thú và bị tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Đinh T, sinh ngày 12/8/2001 tại K, Gia Lai, nơi thường trú: Làng Sơ Lam, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; con ông Đinh Bá và bà Đinh Thị KLiêm, bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Đinh Xuân T, sinh ngày 17/5/1988 tại Nho Quan, Ninh Bình, nơi thường trú: Tổ dân phố 10, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 15/5/2012 bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, bị xử phạt bằng tiền là 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt xong; con ông Đinh Xuân V và bà Lương Thị , bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị truy nã, ra đầu thú và bị tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 04/10/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Ban quản lý Vườn Quốc Gia K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1980 - Phó Chỉ huy trưởng của Ban quản lý Vườn Quốc Gia K.

Địa chỉ: Tổ 13, Phường An Phú, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đinh T:** Bà Cao Thị Mi Sa - Trợ giúp viên pháp lý thuộc T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trương Văn M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Phi T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1977; Địa chỉ: Làng Sơ Lam, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Đinh X, sinh năm 1994; Địa chỉ: Làng Tăng Lãng, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Huy Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Anh Lê Văn K, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Anh Vũ Đình K, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

***Người phiên dịch tiếng Banar:** Anh Đinh Đ;

Địa chỉ: Huyện ủy huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt do bị cáo Đinh T có đơn từ chối phiên dịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 9/2021, Đinh Văn N đi vào rừng thì thấy tại khu vực rừng trên dốc Bả Kiêu thuộc tiểu khu 88, lâm phần Ban quản lý Vườn quốc gia K quản lý có cây gỗ Hương, nên N nảy sinh ý định khai thác trái phép gỗ bán lấy tiền tiêu xài.

Sau đó, Đinh Văn N đi qua nhà Lương K T chơi và rủ T cùng đi khai thác gỗ Hương thì T đồng ý, T nói sẽ rủ thêm Lương T T (là anh ruột T) tham gia cùng. Sau đó, N đã gọi điện thoại rủ T cùng đi khai thác gỗ Hương để bán lấy tiền, thì T đồng ý, N nói với T “*em sắp xếp thời gian rồi sẽ gọi anh vào*”. Hai ngày sau lúc đó khoảng 10 giờ, N gọi điện thoại cho T nói sắp xếp vô đi làm, thì T đồng ý và gọi T cùng đi. Tiếp đó, N liên lạc rủ em ruột là Đinh Văn Q đi tham gia khai thác cây gỗ Hương ở rừng trên dốc Bã Kiêu, Q đồng ý và nói “*khi nào đi gọi em*”. N về nhà chuẩn bị đồ đạc, máy cưa xăng, nhiên liệu. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T và T đi xe mô tô đến nhà N, N gọi điện thoại cho Q để đi khai thác gỗ. Sau đó, tất cả đi xe mô tô đến dốc Bã Kiêu theo đường mòn lên rừng thuộc lâm phần Ban quản lý Vườn quốc gia K quản lý và để xe lại ở ngã ba cây Xoay. N dẫn mọi người đi bộ mang theo máy cưa, đồ đạc đến vị trí cây gỗ Hương đã chết khô, còn đứng (cây số 02 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/11/2021) thuộc lô 4, khoảnh 1, tiểu khu 88. N dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Hương, tiếp đó N cắt lóng thân cây gỗ rồi xẻ hộp; Q, T và T phụ kê, lật, đánh dấu giúp N cưa, xẻ gỗ. Khi N cưa, xẻ lấy gỗ hộp thì T, Q gửi gỗ lên vị trí để xe mô tô (tại ngã ba cây Xoay). Đến khoảng 02 giờ ngày hôm sau, tất cả xẻ được 14 hộp gỗ, tổng khối lượng gỗ xẻ 0,41m³. N, T, Q và T cùng gửi một số hộp gỗ lên gần ngã ba cây Xoay giấu, đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày tất cả cùng về lán tạm ở rừng nghỉ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, tất cả tiếp tục xuống gốc cây gỗ Hương gửi hết số gỗ xẻ còn lại lên giấu rồi dùng xe mô tô chở 14 hộp gỗ xuống giấu ở chân dốc Bã Kiêu. Đến khoảng 04 giờ ngày hôm sau thì xong và về nghỉ. Sau đó, Lương T T (T T) liên lạc với Nguyễn Phi T (Phi T) để thuê xe ô tô chở gỗ vừa khai thác ra thị trấn K tiêu thụ thì Phi T đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Phi T rủ Nguyễn Đức D điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 21LD-0008 đi từ thị trấn K vào dốc Bã Kiêu gặp nhóm của N. Đến nơi, N, T, Q, T T bốc 14 hộp gỗ lên xe ô tô rồi Phi T cùng Nguyễn Đức D điều khiển xe ô tô chở số gỗ trên về cất tại nhà T T ở thị trấn K. Sau đó, T T bán số gỗ trên cho một người đàn ông tên Điều (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được 28.000.000 đồng, trả công vận chuyển gỗ cho Phi T số tiền 4.500.000 đồng (Phi T đưa cho D 1.500.000 đồng). Sau khi trừ chi phí các loại, N được hưởng 3.200.000 đồng, những người còn lại mỗi người được 3.000.000 đồng. Số tiền trên các đối tượng đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng đầu tháng 10/2021, Đinh Văn N rủ Đinh Văn Q tiếp tục lên rừng trên dốc Bã Kiêu thuộc tiểu khu 88, lâm phần Ban quản lý Vườn quốc gia K để khai thác gỗ Hương trái phép thì Q đồng ý. Khoảng 16 giờ chiều cùng ngày, N điều khiển xe mô tô độ chế của N chở máy cưa xăng, nhiên liệu cùng Q điều khiển xe mô tô độ chế của Q đi lên để xe tại ngã ba cây Xoay. Cả hai đi bộ mang theo đồ đạc đến vị trí cây gỗ Hương còn tươi (cây số 6 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/11/2021) tại lô 8, khoảnh 2, tiểu khu 88. N dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Hương rồi cắt lóng, cưa xẻ phần thân cây, còn Q phụ kê, lật, đánh dấu cho N dùng cưa xẻ gỗ. N và Q làm đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì cưa xẻ được 05 hộp gỗ, N và Q gửi 03 hộp gỗ lên giấu ở khu vực cây Xoay rồi về nhà ngủ. Khoảng 17 giờ ngày hôm sau, N và Q lên rừng tiếp tục gửi 02 hộp gỗ còn lại lên chỗ cây Xoay rồi dùng hai xe mô tô chở 05 hộp gỗ trên, tổng khối lượng gỗ xẻ 0,192m³ về giấu sau nhà Q. Sau

đó, N, Q thống nhất liên hệ với chị Nguyễn Thị V để bán số gỗ trên. Khoảng 16 giờ ngày hôm sau, chị V qua xem và đồng ý mua 05 hộp gỗ đó với giá 5.600.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô độ chế chở 05 hộp gỗ trên qua nhà chị V. Sáng hôm sau, N ra thị trấn K gặp chị V lấy trước số tiền 3.600.000 đồng, đến chiều cùng ngày, chị V về lại xã K và gặp Đinh Văn Q trả số tiền bán gỗ còn lại là 2.000.000 đồng. Số tiền trên Q, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 16/10/2021, Đinh Văn N biết được thông tin lực lượng bảo vệ rừng Vườn quốc gia K và cán bộ UBND xã K bị cách ly do địa bàn xã K bùng phát dịch bệnh Covid-19, nên N gọi điện thoại rủ Lương K T tiếp tục vào khu rừng trên dốc Bả Kiêu để khai thác trái phép gỗ Hương, T đồng ý và nói sẽ rủ thêm Đinh Xuân T (là anh họ của T và T T) cùng đi. N tiếp tục gọi điện cho Lương T T trao đổi việc tham gia khai thác cây gỗ Hương tại khu vực trên thì T T đồng ý. N và Q liên lạc với Đinh T (là em vợ Q) rủ đi khai thác gỗ thì T đồng ý. Trưa ngày 18/10/2021, cả nhóm gồm T T, T và T vào xã K và tập T tại nhà Q ăn cơm cùng N, Q. Khoảng 16 giờ cùng ngày, N và Q mỗi người điều khiển 01 xe mô tô độ chế chở T và mang theo máy cưa xăng của N; T và T mỗi người điều khiển một xe mô tô cùng nhau lên dốc Bả Kiêu gặp T rồi cùng đi lên rừng. Khi gần đến nơi cả nhóm để xe mô tô lại trên đường. Sau đó, tất cả mang theo máy cưa xăng, đồ đạc đi bộ đến vị trí cây gỗ Hương còn tươi (cây số 05 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/11/2021) tại lô 8, khoảnh 2, tiểu khu 88. N cùng T dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Hương rồi thay nhau cắt lóng, xẻ hộp thân cây gỗ Hương. Q, T T, T và T phụ khiêng, lật, kê gỗ, đánh dấu cho N, T cưa, xẻ gỗ. Trong lúc N và T xẻ gỗ thì T, Q, T gửi một số hộp gỗ lên giấu ở chỗ cây Xoay. Khoảng 05 giờ ngày 19/10/2021 cưa xẻ được tổng cộng 11 hộp gỗ, khối lượng gỗ xẻ 0,375m³ rồi tất cả về nghỉ tại nhà đầm của Đinh Hồng (hay còn gọi là Bả Nhiu) tại làng Tăng Lãng, xã K, ở dốc Bả Kiêu. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 19/10/2021, tất cả lên rừng gửi gỗ xẻ từ gốc cây Hương đã khai thác trước đó lên dốc và dùng xe mô tô chở gỗ đến dốc Bả Kiêu giấu. Cả nhóm chờ đến khoảng 02 giờ ngày 20/10/2021 thì xong rồi sau đó về nhà đầm nghỉ. Khoảng 18 giờ ngày 20/10/2021, tất cả dùng xe mô tô chở 11 hộp gỗ về giấu ở ngôi nhà bỏ hoang tại làng Tăng Lãng, xã K. Sau đó, Lương T T liên lạc với Trương Văn M thuê xe ô tô tải chở gỗ ra thị trấn K thì M đồng ý. Trưa ngày 21/10/2021, M điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 77C-151.98 vào nhà bỏ hoang (nơi giấu 11 hộp gỗ), tất cả tập T khiêng 11 hộp gỗ xẻ lên xe ô tô rồi M điều khiển xe chở gỗ về nhà T T tại thị trấn K. Sau đó, T T bán số gỗ trên cho người đàn ông tên Điều được 25.000.000 đồng, trả tiền công vận chuyển cho M 5.000.000 đồng và chia cho mỗi người được 3.000.000 đồng, riêng Đinh T được 2.600.000 đồng. Sau đó, N, Q, T T, T, T và T rủ nhau quay lại vị trí cây gỗ Hương thứ 05 để cưa xẻ tận dụng gỗ ở khúc ngọn và cành cây còn lại. Đến khoảng 16 giờ ngày 22/10/2021, tất cả đi xe mô tô lên để ở ngã ba cây Xoay rồi đi bộ mang theo máy cưa xăng và đồ đạc đến vị trí cây gỗ Hương (cây số 05 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/11/2021). N cùng T dùng cưa cắt lóng, xẻ gỗ còn Q, T T, T, T phụ kê, lật gỗ. Cả nhóm làm đến khoảng 22 giờ cùng ngày được 08 hộp gỗ, khối

lượng gỗ xẻ $0,387m^3$, sau đó tất cả đi về nhà đằm của Đinh Nhông ngủ. Đến chiều ngày 23/10/2021, cả nhóm lên gùi 08 hộp gỗ xẻ từ nơi khai thác lên gần ngã ba cây Xoay giấu rồi về nhà đằm của Đinh Nhông nghỉ. Khoảng 15 giờ ngày 24/10/2021, N nghe thông tin có lực lượng Kiểm lâm đi kiểm tra rừng nên thông báo cho mọi người quay về T tâm xã K và gửi 02 xe mô tô độ chế tại tiệm sửa xe máy của Đinh Xót tại làng Tăng Lãng, xã K; 08 hộp gỗ đã xẻ vẫn để lại trên rừng. Sau đó, lực lượng chức năng đã kiểm tra, phát hiện vụ khai thác gỗ trái phép trên.

Ngày 06/11/2021, các cơ quan chức năng huyện K, UBND xã K và Ban quản lý Vườn quốc gia K đã tiến hành khám nghiệm hiện trường. Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường xác định có 07 cây gỗ Hương bị khai thác trái phép tại lô 4, khoảnh 1, tiểu khu 88; lô 8, khoảnh 2, tiểu khu 88 và tại lô 20, khoảnh 4, tiểu khu 92 với tổng khối lượng gỗ tròn Tệt hại của 07 cây gỗ bị khai thác trái phép nêu trên là: $22,386m^3$. Số lượng, khối lượng gỗ tròn, gỗ xẻ còn lại hiện trường và bãi tập kết có khả năng thu giữ là: 09 hộp gỗ xẻ, chủng loại gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ xẻ là: $0,426m^3$ (trong đó: tại cây gỗ Hương số 03 còn 01 hộp gỗ xẻ khối lượng $0,039m^3$, tại bãi tập kết (ngã ba cây Xoay) còn 08 hộp gỗ xẻ khối lượng $0,387m^3$); 17 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ tròn là: $4,957m^3$ (trong đó: tại cây gỗ Hương số 01 còn 01 lóng gỗ tròn, khối lượng $0,094m^3$; tại cây gỗ Hương số 02 còn 03 lóng gỗ tròn khối lượng $0,258m^3$; tại cây gỗ Hương số 03 còn 04 lóng gỗ tròn, khối lượng $1,104m^3$; tại cây gỗ Hương số 04 còn 02 lóng gỗ tròn, khối lượng $0,318m^3$; tại cây gỗ Hương số 05 còn 02 lóng gỗ tròn, khối lượng $0,824m^3$; tại cây gỗ Hương số 06 còn 01 lóng gỗ tròn, khối lượng $0,070m^3$; tại cây gỗ Hương số 07 còn 04 lóng gỗ tròn, khối lượng $2,289m^3$).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thu giữ, xử lý vật chứng liên quan đến vụ án gồm:

- Đối với **02** (hai) đèn pin đội đầu vỏ màu cam; **02** (hai) xe mô tô hai bánh độ chế (không rõ nhãn hiệu, không có biển kiểm soát, số khung, số máy, không có yên xe, vỏ nhựa bên ngoài; khung sườn xe được hàn gia cố thêm bằng thanh kim loại, gắn thêm hai giảm sóc bánh sau và bánh trước); **01** (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL vỏ màu cam-trắng, một lam cưa xăng dài 81cm, **01** (một) xích cưa xăng; **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen; số Serial: 357678106924493 (có gắn sim số thuê bao); **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng ốp lưng màu xanh số IMEI 1: 869563049092379, số IMEI 2: 869563049092361 (có gắn sim số thuê bao) và **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại bàn phím, màu đen (có gắn sim số thuê bao). Đây là những công cụ, phương tiện dùng để thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tạm giữ, chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím và 01 đèn pin đội đầu vỏ màu cam do Lương T T sử dụng trong quá trình phạm tội, do T đã làm thất lạc, nên quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thể tạm giữ và đã ghi nhận trong nội dung biên bản làm việc để làm căn cứ xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với **01** (một) xe ô tô mang biển kiểm soát 21LD-0008, nhãn hiệu

MITSUBISHI, màu sơn ghi - xám do Nguyễn Phi T giao nộp. Qua điều tra xác định đây là tài sản của Phi T đã được Phi T sử dụng để cùng Nguyễn Đức D tham gia vận chuyển trái phép 14 hộp gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ xẻ $0,41\text{m}^3$ cho N, Q, T T và T vào tháng 9/2021. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã chuyển vật chứng này đến Hạt kiểm lâm huyện K xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với **01** (một) xe ô tô tải mang biển kiểm soát 77C-151.98, nhãn hiệu FOTON, màu sơn trắng. Qua điều tra xác định đây là tài sản của Trương Văn M đã được M sử dụng để vận chuyển trái phép 11 hộp gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ xẻ $0,375\text{m}^3$ cho N, Q, T T, T, T và T vào tháng 10/2021. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã chuyển vật chứng này đến Hạt kiểm lâm huyện K xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với **01** (một) xe mô tô không có biển kiểm soát, số máy LC152FMG1A00428771, số khung NJ10020006131 do Đinh T giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra xác định đây là xe mô tô của Đinh Xuân T sử dụng thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép vào tháng 10/2021. Sau đó, T để lại cho Đinh T mượn sử dụng đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tạm giữ, chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với **01** (một) đèn pin đội đầu vỏ màu cam do Đinh Xuân T sử dụng trong quá trình phạm tội; do T đã làm thất lạc nên Cơ quan điều tra không thể tạm giữ và đã ghi nhận trong nội dung biên bản làm việc để làm căn cứ xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với **01** (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Sirius, màu sơn trắng - đen (không xác định được biển số) là tài sản của T sử dụng trong việc đi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép. Trong quá trình điều tra, T khai nhận khi bỏ trốn đã bán chiếc xe máy này tại T phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với số tiền 3.000.000 đồng cho một người nam giới (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thể tạm giữ và đã ghi nhận trong nội dung biên bản làm việc để làm căn cứ xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím và 01 đèn pin đội đầu vỏ màu cam đều là tài sản của T sử dụng trong quá trình phạm tội; do T đã làm thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát Công an huyện K không thể tạm giữ và đã ghi nhận trong nội dung biên bản làm việc để làm căn cứ xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 25 (hai mươi lăm) hộp gỗ xẻ, loại gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ xẻ $0,785\text{m}^3$ (14 hộp gỗ Hương, khối lượng gỗ xẻ $0,41\text{m}^3$ do N, Q, T T và T thực hiện hành vi khai thác cây gỗ Hương tại lô 4, khoảnh 1, tiểu khu 88 vào tháng 9/2021 và 11 hộp gỗ xẻ, loại gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ xẻ $0,375\text{m}^3$ do N, Q, T T, T, T và T thực hiện hành vi khai thác cây gỗ Hương vào tháng 10/2021) đã được T T bán cho một người nam giới tên Điều (chưa xác định được nhân thân) nên Cơ quan Cảnh sát Công an huyện K tách vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ theo quy định.

- Đối với 09 (chín) hộp gỗ xẻ, chủng loại gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ xẻ là $0,426\text{m}^3$, 17 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ tròn $4,957\text{m}^3$ bị khai thác trái phép còn lại tại hiện trường được giao cho Ban quản lý Vườn quốc gia K có trách nhiệm quản lý, bảo vệ tại hiện trường. Quá trình điều tra xác định T bộ số gỗ trên là tài sản thuộc sự quản lý hợp pháp của Ban quản lý Vườn quốc gia K đã bị khai thác trái phép, nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 01/QĐ ngày 16/12/2021 trả lại T bộ số gỗ trên cho Ban quản lý Vườn quốc gia K theo quy định.

- Đối với 05 (năm) hộp gỗ xẻ, loại gỗ Hương tổng khối lượng gỗ xẻ $0,192\text{m}^3$, gồm: 02 hộp gỗ kích thước (20x30x80)cm, 01 hộp gỗ kích thước (15x30x80)cm, 02 hộp gỗ kích thước (15x25x80)cm do N và Q thực hiện hành vi khai thác cây gỗ Hương tại lô 8, khoảnh 2, tiểu khu 88 vào tháng 10/2021, đã được N, Q bán cho bà Nguyễn Thị V. Sau đó, bà V xẻ T 16 thanh, tấm gỗ Hương, tổng khối lượng gỗ xẻ $0,053\text{m}^3$ và cất giữ nhằm mục đích sử dụng cá nhân. Cơ quan điều tra đã tạm giữ và ra quyết định xử lý vật chứng số: 14/QĐ ngày 10/4/2022 trả lại T bộ số gỗ trên cho Ban quản lý Vườn quốc gia K theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 26/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện K đã xác định:

- Giá trị Tệt hại của **5,492m³** gỗ tròn (cây số 2, gỗ chủng loại Hương) tại thời điểm tháng 11/2021 là: **127.424.000** đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*);

- Giá trị còn lại của **0,258m³** gỗ tròn (cây số 2, gỗ chủng loại Hương) tại thời điểm tháng 11/2021 là: **2.462.000** đồng (*hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng*);

- Giá trị Tệt hại của **3,617m³** (cây gỗ số 5, gỗ chủng loại Hương) tại thời điểm tháng 11/2021 là: **67.517.000** đồng (*sáu mươi bảy triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng*);

- Giá trị còn lại của **0,824 m³** gỗ tròn và **0.378m³** gỗ xẻ (cây gỗ số 5, gỗ chủng loại Hương) tại thời điểm tháng 11/2021 là: **26.926.000** đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

- Giá trị Tệt hại của **1.367m³** (cây gỗ số 6, gỗ chủng loại Hương) tại thời điểm tháng 11/2021 là: **22.594.000** đồng (*hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng*);

- Giá trị còn lại của **0.070 m³** gỗ tròn (cây gỗ số 6, gỗ chủng loại Hương) tại thời điểm tháng 11/2021 là: **738.000** đồng (*Bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

- Giá trị phải bồi thường đối với diện tích bị Tệt hại của cây gỗ số 2, chủng loại gỗ Hương (90m^2), tại thời điểm tháng 11/2021 là: **9.721.420** đồng (*chín triệu bốn trăm hai mươi một nghìn bốn trăm hai mươi đồng*).

- Giá trị phải bồi thường đối với diện tích bị Tệt hại của cây gỗ số 5, chủng loại gỗ Hương (90m^2), tại thời điểm tháng 11/2021 là: **9.721.420** đồng (*chín triệu bốn trăm hai mươi một nghìn bốn trăm hai mươi đồng*).

- Giá trị phải bồi thường đối với diện tích bị Tệt hại của cây gỗ số 6, chủng loại gỗ Hương (50m^2), tại thời điểm tháng 11/2021 là: **5.400.789** đồng (*năm triệu*

bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐG ngày 08/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện K đã xác định: Giá trị của 16 hộp gỗ xẻ (chị V giao nộp) tổng khối lượng là **0,053m³**, chủng loại gỗ Hương, tại thời điểm tháng 10/2021 là: **2.050.000** đồng (*hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định nêu trên.

Trong quá trình điều tra các bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường một phần Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K, cụ thể: Bị cáo N và Q mỗi bị cáo đã bồi thường được 5.000.000 đồng; bị cáo T và T mỗi bị cáo đã bồi thường được 2.000.000 đồng; bị cáo T đã bồi thường được 1.500.000 đồng; bị cáo T đã bồi thường được 1.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 32/CT-VKS ngày 24/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã truy tố Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự và Đinh T, Đinh Xuân T về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T phạm tội: "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*".

Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề xuất mức án đối với bị cáo Đinh Văn N từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề xuất mức án đối với bị cáo Đinh Văn Q từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề xuất mức án đối với bị cáo Lương T T từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề xuất mức án đối với bị cáo Lương K T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; Điều 38; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề xuất mức án đối với bị cáo Đinh T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; Điều 38; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề xuất mức án đối với bị cáo Đinh Xuân T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, Điều 585 và Điều 587 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K và Tệt hại về môi trường rừng cho Nhà nước, mức bồi thường của từng bị cáo xem xét dựa vào vị trí, vai trò được chia theo phần trách nhiệm bồi thường tương ứng với mức độ lỗi của từng bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T đã khai thác 01 cây gỗ Hương, gây Tệt hại về lâm sản là **5,492 m³** gỗ tròn, trị giá quy T tiền là **127.424.000** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại thì giá trị Tệt hại về lâm sản còn lại là **124.962.000** đồng; giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là: **9.721.420** đồng. Các bị cáo là đồng phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K và Tệt hại về môi trường rừng cho Nhà nước, trong đó bị cáo N giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 40% giá trị Tệt hại; các bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 20% giá trị Tệt hại.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T đã khai thác 01 cây gỗ Hương, gây Tệt hại về lâm sản là **3,617 m³** gỗ tròn, trị giá quy T tiền là **67.517.000** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại thì giá trị Tệt hại về lâm sản còn lại là **40.591.000** đồng; giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là: **9.721.420** đồng. Các bị cáo là đồng phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K và Tệt hại về môi trường rừng cho Nhà nước, trong đó bị cáo N giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 25% giá trị Tệt hại; các bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 15% giá trị Tệt hại.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn Q đã khai thác 01 cây gỗ Hương, gây Tệt hại về lâm sản là **1,367 m³** gỗ tròn, trị giá quy T tiền là **22.594.000** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại và số lượng gỗ do chị V giao nộp thì giá trị Tệt hại về lâm sản còn lại là **19.806.000** đồng; giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là: **5.400.789** đồng. Các bị cáo là đồng phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K và Tệt hại về môi trường rừng cho Nhà nước, trong đó bị cáo N giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 60% giá trị Tệt hại; bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường tương ứng với 40 % giá trị Tệt hại.

Đề nghị buộc nộp số tiền thu lợi bất chính vào Ngân sách nhà nước, cụ thể: Nguyễn Phi T phải nộp 3.000.000 đồng, Nguyễn Đức D phải nộp 1.500.000 đồng, Trương Văn M phải nộp 5.000.000 đồng.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng do Lương K T đã bán 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Sirius, màu sơn trắng - đen (không xác định được biển số) là tài sản của T sử dụng trong việc đi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép, đây là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu bán sung ngân sách nhà nước, nhưng do T đã bán chiếc xe mô tô này cho một người nam giới (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tại T phố Pleiku nên đề nghị buộc T nộp số tiền 3.000.000 vào Ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Đề nghị tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng sau: 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL, vỏ màu cam- trắng.

Đề nghị tuyên trả lại: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, mặt sau bị bể, bên ngoài có ốp lưng màu xanh số Imel 1: 8696563049092379, số Imel 2: 8696563049092361, có gắn 01 sim số điện thoại (không kiểm tra được số) cho bị cáo Đinh Văn N vì quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo N không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội.

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng không còn giá trị sử dụng, cụ thể:

- 02 (hai) đèn pin đội đầu vỏ màu cam;

- 02 (hai) xe mô tô hai bánh độ chế (không rõ nhãn hiệu, không có số khung số máy, không có biển số, không có yên xe, không có áo nhựa bên ngoài; khung sườn xe được hàn gia cố thêm bằng thanh kim loại; gắn thêm hai giảm sóc bánh sau sau và bánh trước);

- 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số máy LC152FMG1A00428771, số khung NJ10020006131;

- 01 (một) lam cửa xăng dài 81cm;

- 01 (một) xích cửa xăng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu đen; số Serial: 357678106924493, có gắn 01 sim số điện thoại (không kiểm tra được số);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại bàn phím, màu đen, số Imel 1: 358625100102484, số Imel 2: 358625100102492 (có gắn sim số thuê bao), có gắn sim số điện thoại (không kiểm tra được số).

Đối với số tiền **16.500.000** đồng mà các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh Xuân T và Đinh T đã bồi thường để khắc phục hậu quả về lâm sản cần tuyên trả lại cho Ban quản lý Vườn quốc gia K.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T và Đinh Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Miễn T bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh T.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh T là bà Cao Thị Mi Sa trình bày nội dung bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều luật mà Bản cáo trạng của VKSND huyện K, tỉnh Gia Lai đã truy tố đối với bị cáo Đinh T. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Đinh T trước khi quyết định hình phạt, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T đã khắc phục được một phần Tệt hại là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T là người dân tộc Tều số, sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế theo quy định đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

theo như quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Người bào chữa thấy rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá cao nên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được áp dụng Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức án dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường đối với bị cáo T bằng mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về xử lý vật chứng: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí: Do bị cáo T là người dân tộc Tều số, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu, không tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo đã nhận ra lỗi và đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có đủ cơ sở để xác định rằng:

Các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Song do cố ý mà vi phạm, các bị cáo đã khai thác gỗ trái phép tại Lô 4, Khoảnh 1, Tiểu khu 88 Lâm phần do Ban quản lý Vườn quốc gia K quản lý thuộc địa giới hành chính xã K, huyện K, cụ thể: Lần thứ nhất: Vào cuối tháng 9/2021, Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T đã cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Hương nhóm I thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, gây Tệt hại về gỗ có khối lượng **5,492 m³**, quy T tiền là: **127.424.000** đồng, Tệt hại phải bồi thường về diện tích rừng bị Tệt hại là **9.721.420** đồng. Lần thứ hai: Vào khoảng đầu tháng 10/2021, Đinh Văn N và Đinh Văn Q đã cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Hương nhóm I thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, gây Tệt hại về gỗ có khối lượng **1,367m³**, quy T tiền là: **22.594.000** đồng, Tệt hại phải bồi

thường về diện tích rừng bị Tệt hại là **5.400.789** đồng. Lần thứ ba: Ngày 18/10/2021, Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T đã cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Hương nhóm I thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, gây Tệt hại về gỗ có khối lượng **3,617 m³**, quy T tiền là: **67.517.000** đồng, Tệt hại phải bồi thường về diện tích rừng bị Tệt hại là **9.721.420** đồng. Như vậy, các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn Q đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ Hương nhóm I thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, Tệt hại có khối lượng là **10.476 m³**; các bị cáo Lương T T, Lương K T đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 02 cây gỗ Hương nhóm I thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, Tệt hại có khối lượng là **9,109 m³**; các bị cáo Đinh T và Đinh Xuân T đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Hương nhóm I thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, Tệt hại có khối lượng là **3,617 m³**. Hành vi nêu trên của các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T và Lương K T đã phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự; hành vi nêu trên của các bị cáo Đinh T và Đinh Xuân T đã phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện K là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án được xác định như sau:

Các bị cáo là đồng phạm với nhau trong vụ án, trong đó: Bị cáo Đinh Văn N là người giữ vai trò chính, trực tiếp khởi xướng, tìm cây để khai thác, bàn bạc, thỏa thuận với các bị cáo khác trong việc tham gia khai thác gỗ; chuẩn bị công cụ phương tiện, trực tiếp cắt hạ, xẻ gỗ và vận chuyển. Các bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T và Lương K T tham gia với vai trò thực hành tích cực, phụ giúp N trong việc bật mực, bắn lật, kê gỗ, đánh dấu, vận chuyển; bị cáo T còn trực tiếp liên hệ tìm người chở gỗ và người mua gỗ. Bị cáo Đinh T và Đinh Xuân T tham gia là đồng phạm giúp sức, trực tiếp phụ giúp xẻ hộp, bật mực, bắn lật, kê gỗ, vận chuyển; bị cáo T tham gia cắt hạ 01 cây gỗ. Tất cả các bị cáo đều được ăn chia tiền từ việc bán gỗ.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q và Đinh T đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội.

Bị cáo Lương T T có nhân thân xấu, Ngày 28/11/2006 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 04 tháng tù theo bản án số: 03/2006/HSST, đã chấp hành xong bản án và về sinh sống tại địa phương; Ngày 17/06/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 11 tháng tù theo bản án số: 10/2009/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 19/7/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 12 tháng tù theo bản án số: 12/2010/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 08/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 32 tháng tù theo bản án số: 14/2012/HSST và ngày 22/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình

sự, xử phạt 03 năm tù theo bản án số: 16/2012/HSST ngày 13/9/2016, chấp hành xong hình phạt của bản án số 14, 16 và trở về sinh sống tại địa phương.

Bị cáo Lương K T có nhân thân xấu, Ngày 19/7/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 12 tháng tù theo bản án số: 12/2010/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 13/05/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự, xử phạt 09 tháng tù theo bản án số: 18/2011/HSST, chấp hành xong bản án và trở về sinh sống tại địa phương; Ngày 08/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 42 tháng tù theo bản án số: 14/2012/HSST và ngày 22/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt 03 năm 06 tháng tù theo bản án số: 16/2012/HSST, ngày 13/8/2017 đã chấp hành xong bản án số 14, 16 và trở về sinh sống tại địa phương.

Bị cáo Đinh Xuân T có nhân thân xấu, ngày 15/5/2012 bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, bị xử phạt bằng tiền là 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt xong.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đinh T và Đinh Xuân T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T và Lương K T phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã có 02 lần thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép gây Tệt hại với khối lượng là 5,492m³ và 3,617m³, mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu T tội phạm “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần Tệt hại, khắc phục hậu quả nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với tất cả các bị cáo. Các bị cáo Đinh T và Đinh Xuân T đều là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo T và T. Bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương K T và Đinh Xuân T khi nhận thức được hành vi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Đinh T là người dân tộc Tểu số, sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế; các bị cáo Đinh Văn Q và Đinh Văn N đều có ông nội và ông ngoại có T tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước đây tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo N, Q, T, T và T.

[5] Sau khi xem xét nhân thân của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo

Đình Văn N, Đình Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đình T và Đình Xuân T là người đã T niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, muốn kiếm tiền để tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã phạm tội. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế và quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo T người lương Tận và nâng cao hiệu quả phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với hành vi tham gia vận chuyển gỗ xẻ do N cùng đồng phạm khai thác trái phép của Nguyễn Phi T, Nguyễn Đức D và Trương Văn M, quá trình điều tra xác định N chỉ thuê các đối tượng trên vận chuyển gỗ sau khi đã cắt hạ, cưa xẻ xong mà không trao đổi, bàn bạc hay thỏa thuận trước về việc khai thác trái phép 02 cây gỗ Hương. Mặt khác, khối lượng gỗ do các đối tượng trên vận chuyển không đủ định lượng và các đối tượng trên chưa bị xử phạt hành chính; chưa bị kết án hoặc đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích về hành vi khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán gỗ, các loại thực vật rừng theo quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T, D, M là có căn cứ và chuyển hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện K để xử phạt vi phạm hành chính các đối tượng về hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Nguyễn Phi T, Nguyễn Đức D và Trương Văn M là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với chị Nguyễn Thị V là người đã mua 05 hộp gỗ xẻ, loại gỗ Hương tổng khối lượng 0,192m³ do N và Q khai thác trái phép, quá trình điều tra xác định, việc các bị cáo N, Q thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép thì chị V không tham gia, không được bàn bạc gì về việc khai thác gỗ và số lượng gỗ do chị V mua không đủ định lượng và chị V chưa bị xử phạt hành chính; chưa bị kết án hoặc đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích về hành vi khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán gỗ, các loại thực vật rừng theo quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị V là có căn cứ và chuyển hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện K để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Nguyễn Thị V là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với đối tượng tên Điều (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người mua gỗ xẻ do nhóm N khai thác trái phép, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của đối tượng này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với trách nhiệm của Ban quản lý Vườn quốc gia K, quá trình thực hiện

nhiệm vụ Ban quản lý Vườn quốc gia K đã chủ động tiến hành kiểm tra, khi phát hiện sự việc khai thác gỗ trái phép đã báo cáo đến Hạt kiểm lâm huyện K cùng cơ quan chức năng để tiến hành xử lý theo quy định. Do vụ án xảy ra ở khu vực hẻo lánh, địa hình rừng núi hiểm trở, diện tích được giao quản lý của bảo vệ rừng lớn trong khi lực lượng bảo vệ rừng ít và do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Ban quản lý Vườn quốc gia K gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không đề nghị xem xét trách nhiệm đối với lực lượng quản lý, bảo vệ rừng là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T đã khai thác 01 cây gỗ Hương, gây Tệt hại về lâm sản là **5,492 m³** gỗ tròn, trị giá quy T tiền là **127.424.000** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại thì giá trị Tệt hại về lâm sản còn lại là **124.962.000** đồng; giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là: **9.721.420** đồng. Các bị cáo là đồng phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K và Tệt hại về môi trường rừng cho Nhà nước, trong đó bị cáo N giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 40% giá trị Tệt hại; các bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 20% giá trị Tệt hại.

Các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T phải liên đới bồi thường cho Ban quản lý Vườn quốc gia K số tiền **124.962.000** đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N phải bồi thường số tiền 49.984.800 đồng; bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T mỗi bị cáo phải bồi thường là 24.992.400 đồng.

Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Tệt hại về môi trường cho Nhà nước số tiền **9.721.420** đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N là 3.888.568 đồng; các bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.944.284 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T đã khai thác 01 cây gỗ Hương, gây Tệt hại về lâm sản là **3,617 m³** gỗ tròn, trị giá quy T tiền là **67.517.000** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại thì giá trị Tệt hại về lâm sản còn lại là **40.591.000** đồng; giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là: **9.721.420** đồng. Các bị cáo là đồng phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K và Tệt hại về môi trường rừng cho Nhà nước, trong đó bị cáo N giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 25% giá trị Tệt hại.

Các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T phải liên đới bồi thường cho Ban quản lý Vườn quốc gia K số tiền **40.591.000** đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N phải bồi thường số tiền 10.147.750 đồng; các bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.088.650 đồng.

Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Tệt hại về môi trường cho Nhà nước số tiền **9.721.420** đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N là 2.430.355 đồng; các bị cáo Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.458.213 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn Q đã khai thác 01 cây gỗ Hương, gây Tệt hại về lâm sản là **1,367 m³** gỗ tròn, trị giá quy T tiền là **22.594.000** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại và số lượng gỗ do chị V giao nộp thì giá trị Tệt hại về lâm sản còn lại là **19.806.000** đồng; giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là: **5.400.789** đồng. Các bị cáo là đồng phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường Tệt hại cho Nhà nước, trong đó bị cáo N giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 60% giá trị Tệt hại; bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường tương ứng với 40 % giá trị Tệt hại.

Các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn Q phải liên đới bồi thường cho Ban quản lý Vườn quốc gia K số tiền **19.806.000** đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N phải bồi thường số tiền 11.883.600 đồng và bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường là 7.922.400 đồng.

Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Tệt hại về môi trường cho Nhà nước số tiền **5.400.789** đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N là 3.240.473 đồng và bị cáo Đinh Văn Q là 2.160.316 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T phải bồi thường giá trị phần Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K, cụ thể như sau:

Bị cáo Đinh Văn N phải bồi thường số tiền là 72.016.150 đồng, được trừ 5.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là **67.016.150** đồng.

Bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường số tiền là 39.003.450 đồng, được trừ 5.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là **34.003.450** đồng.

Bị cáo Lương T T và Lương K T mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 31.081.050 đồng, được trừ 2.000.000 đồng mà mỗi bị cáo đã bồi thường trước đó nên mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là **29.081.050** đồng.

Bị cáo Đinh T phải bồi thường số tiền là 6.088.650 đồng, được trừ 1.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là **5.088.650** đồng.

Bị cáo Đinh Xuân T phải bồi thường số tiền là 6.088.650 đồng, được trừ 1.500.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là **4.588.650** đồng.

Tổng số tiền mà các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T phải bồi thường giá trị đối với Tệt hại về môi trường cho Nhà nước, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N phải bồi thường là **9.559.396** đồng; bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường là **5.562.813** đồng; các bị cáo Lương T T, Lương K T mỗi bị cáo phải bồi thường là **3.402.497** đồng; các bị cáo Đinh T và Đinh Xuân T mỗi bị cáo phải bồi thường là **1.458.213** đồng.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc vận chuyển gỗ cần tuyên buộc nộp truy thu sung ngân sách Nhà nước, trong đó: Nguyễn Phi T phải nộp 3.000.000 đồng, Nguyễn Đức D phải nộp 1.500.000 đồng, Trương Văn M phải nộp 5.000.000 đồng.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng do Lương K T đã bán 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Sirius, màu sơn trắng - đen (không xác định được biển số) là tài

sản của T sử dụng trong việc đi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép, đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu bán sung ngân sách nhà nước nhưng do T đã bán cho một người nam giới (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tại T phố Pleiku nên tuyên buộc Lương K T nộp truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với số tiền **16.500.000** đồng mà các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh Xuân T và Đinh T đã bồi thường để khắc phục hậu quả về lâm sản cần tuyên trả lại cho Ban quản lý Vườn quốc gia K.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, mặt sau bị bể, bên ngoài có ốp lưng màu xanh số Imel 1: 8696563049092379, số Imel 2: 8696563049092361, có gắn 01 sim số điện thoại (không kiểm tra được số) do bị cáo Đinh Văn N giao nộp; quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo N không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo N.

Đối với các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng thì cần tuyên tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL, vỏ màu cam- trắng.

Đối với các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng thì cần tuyên tịch tiêu hủy:

- 02 (hai) đèn pin đội đầu vỏ màu cam;
- 02 (hai) xe mô tô hai bánh độ chế (không rõ nhãn hiệu, không có số khung số máy, không có biển số, không có yên xe, không có áo nhựa bên ngoài; khung sườn xe được hàn gia cố thêm bằng thanh kim loại; gắn thêm hai giảm sóc bánh sau sau và bánh trước);
- 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số máy LC152FMG1A00428771, số khung NJ10020006131;
- 01 (một) lam cưa xăng dài 81cm;
- 01 (một) xích cưa xăng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu đen; số Serial: 357678106924493, có gắn 01 sim số điện thoại (không kiểm tra được số);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại bàn phím, màu đen, số Imel 1: 358625100102484, số Imel 2: 358625100102492 (có gắn sim số thuê bao), có gắn sim số điện thoại (không kiểm tra được số).

[10] Đối với quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, do vậy được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T và Đinh Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn T bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T phạm tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

[2] Về điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T và Lương K T;

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh T và Đinh Xuân T;

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương K T, Đinh T và Đinh Xuân T.

Áp dụng khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

[3] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đinh Văn N **03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 16/11/2021).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q **03 (ba)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 16/11/2021).

Xử phạt bị cáo Lương T T **03 (ba)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 14/7/2022).

Xử phạt bị cáo Lương K T **03 (ba)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 29/9/2022).

Xử phạt bị cáo Đinh Xuân T **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 04/10/2022).

Xử phạt bị cáo Đinh T **01 (một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi T hành án.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường Tệt hại về lâm sản cho Ban quản lý Vườn quốc gia K, cụ thể như sau:

Bị cáo Đinh Văn N phải tiếp tục bồi thường số tiền là **67.016.150** đồng.

Bị cáo Đinh Văn Q phải tiếp tục bồi thường số tiền là **34.003.450** đồng.

Bị cáo Lương T T và Lương K T mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền là **29.081.050** đồng.

Bị cáo Đinh T phải bồi thường số tiền là **5.088.650** đồng.

Bị cáo Đinh Xuân T phải tiếp tục bồi thường số tiền là **4.588.650** đồng.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường Tệt hại về môi trường rừng cho Nhà nước, cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Văn N phải bồi thường là **9.559.396** đồng; bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường là **5.562.813** đồng; các bị cáo Lương T T, Lương

K T mỗi bị cáo phải bồi thường là **3.402.497** đồng; các bị cáo Đình T và Đình Xuân T mỗi bị cáo phải bồi thường là **1.458.213** đồng.

Buộc nộp truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính, cụ thể: Nguyễn Phi T phải nộp 3.000.000 đồng; Nguyễn Đức D phải nộp 1.500.000 đồng; Trương Văn M phải nộp 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lương K T nộp truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền là 3.000.000 đồng.

Tuyên trả lại cho Ban quản lý vườn quốc gia K số tiền 16.500.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số 0002772 và 0002773 ngày 24/5/2022; các biên lai thu tiền số 0002794, 0002795 và 0002796 ngày 16/12/2022; biên lai số 0002798 ngày 09/01/2023 của Chi cục T hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan T hành án có quyền chủ động ra quyết định T hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi các bị cáo T hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL, vỏ màu cam- trắng.

Tuyên trả lại cho bị cáo Đình Văn N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, mặt sau bị bể, bên ngoài có ốp lưng màu xanh số Imel 1: 8696563049092379, số Imel 2: 8696563049092361, có gắn 01 sim số điện thoại (không kiểm tra được số);

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 02 (hai) đèn pin đội đầu vỏ màu cam;
- 02 (hai) xe mô tô hai bánh độ chế (không rõ nhãn hiệu, không có số khung số máy, không có biển số, không có yên xe, không có áo nhựa bên ngoài; khung sườn xe được hàn gia cố thêm bằng thanh kim loại; gắn thêm hai giảm sóc bánh sau sau và bánh trước);

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: LONCIN, số loại: C100, màu sơn: nâu, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, dung tích xi lanh 97, số máy: LC152FMG1A00428771, số khung NJ10020006131, xe không có biển kiểm soát;

- 01 (một) lam cửa xăng dài 81cm;

- 01 (một) xích cửa xăng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu đen; số Serial: 357678106924493, có gắn 01 sim số điện thoại (không kiểm tra được số);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại bàn phím, màu đen, số Imel 1: 358625100102484, số Imel 2: 358625100102492 (có gắn sim số thuê bao), có gắn sim số điện thoại (không kiểm tra được số).

(Đặc điểm cụ thể của vật chứng theo các Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2022 và 27/12/2022 giữa Công an huyện K, tỉnh Gia Lai và Chi cục T hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai).

[7] Về án phí:

Buộc các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn Q, Lương T T, Lương K T và Đinh Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đinh Văn N phải chịu 3.828.777 đồng (*ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng*); bị cáo Đinh Văn Q phải chịu 1.978.313 đồng (*một triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm mười ba đồng*), các bị cáo Lương T T và Lương K T mỗi bị cáo phải chịu 1.624.177 đồng (*một triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng*) và bị cáo Đinh Xuân T phải chịu 302.343 đồng (*ba trăm lẻ hai nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Miễn T bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh T.

[8] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được T hành theo qui định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Chi cục THADS huyện K;
- (khi án có HLPL);
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị N